

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2025/DS-ST**

Ngày: **05 – 9 – 2025.**

V/v: *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Thanh Bình

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Ông Hà Văn Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Phan Thị Bích Ngọc, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số 322/2024/UQ-SVN, ngày 07/10/2024): anh Nguyễn Thanh T, địa chỉ: số C, đường P, phường P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Lâm Anh T1, địa chỉ: số E, đường D, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số E, đường D, Khóm H, phường P, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03 tháng 9 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào ngày 24/12/2022, ông Lâm Anh T1 có đến Chi nhánh S1 - Công ty TNHH S2 để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM221201021NA22X được ký giữa các bên ngày 24/12/2022 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ:

Giaodichdambao/botuphap, theoweb: <https://dktructuyen.moj.gov.vn> thì ông Lâm Anh T1 có cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-505.06; loại xe Honda Future viet 125cc Fi màu: bạc đen; số khung RLHJC7653NY143864; số máy JC90E0311461; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003286 do Công an thành phố S cấp ngày 07/9/2022, để lấy số tiền là 16.500.000 đồng; thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ 24/12/2022 - 24/06/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông T1.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông T1 mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 24/12/2022 đến 24/01/2023, địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Ông T1 có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông T1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 677 ngày, ông T1 không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông T1 nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông T1 trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông T1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lâm Anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 05/9/2025: số tiền vốn 13.667.769 đồng, lãi trong hạn 2.104.836 đồng, lãi quá hạn 3.239.945 đồng. Ngoài ra ông Lâm Anh T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 06/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Rút lại các yêu cầu khởi kiện về tất cả các khoản phí (phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Sau khi ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003286 do Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/9/2022 cho ông T1.

- *Bị đơn ông Lâm Anh T1*: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: nhận thấy, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng cầm cố. Do bị đơn thực hiện không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố mà hai bên đã ký kết. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án trên được xác định quan hệ pháp luật theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường P, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả các khoản tiền nợ gốc 13.667.769 đồng, lãi 2.104.836 đồng, phí mượn xe 6.930.000 đồng, phí QLHS 956.744 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.834.215 đồng. Tuy nhiên, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả số nợ gốc 13.667.769 đồng, lãi trong hạn 2.104.836 đồng, lãi quá hạn 3.239.945 đồng. Nhận thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong phạm vi khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 13.667.769 đồng: thấy rằng, vào ngày 24/12/2022 giữa nguyên đơn với bị đơn có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản, với nội dung: bị đơn cầm cố cho nguyên đơn tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-505.06; loại xe Honda Future viet 125cc Fi màu: bạc đen; số khung RLHJC7653NY143864; số máy JC90E0311461; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003286 do Công an thành phố S cấp ngày 07/9/2022, để lấy số tiền là 16.500.000 đồng; thời hạn cầm cố là 18 tháng, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ hàng tháng cho nguyên đơn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì đã quá thời hạn cầm cố mà bị đơn không thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn. Theo như lời thừa nhận của nguyên đơn thì bị đơn còn nợ số tiền gốc 13.667.769 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: trong Hợp đồng cầm cố các bên có thỏa thuận với nhau về lãi trong hạn, quá hạn. Đây là sự thỏa thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc hoặc bị lừa dối và cũng phù hợp với

quy định của pháp luật. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn 2.104.836 đồng, lãi quá hạn 3.239.945 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Đối với việc nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bị đơn khi bị đơn trả xong nợ: nhận thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003286 do Công an thành phố S cấp ngày 07/9/2022 cho bị đơn.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là 950.627 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 310, Điều 313 và Điều 314 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay: buộc ông Lâm Anh T1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay nợ gốc số tiền 13.667.769 đồng và tiền lãi trong hạn 2.104.836 đồng, lãi quá hạn 3.239.945 đồng.

Kể từ ngày 06/9/2025, ông T1 chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu thêm tiền lãi như hợp đồng cầm cố mà các bên đã ký kết tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay khi ông Lâm Anh T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003286 do Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/9/2022 cho ông Lâm Anh T1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 637.339 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

3.2. Ông Lâm Anh T1 phải chịu 950.627 đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh Bình